TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 175/2018/HNGĐ-ST
Ngày 15-8-2018
V/v Ly hôn giữa anh Đ và chị H"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hải Sơn;

Ông Bùi Văn Bình.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Sinh – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1990; địa chỉ: Xóm TH, xã HP, huyện H, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 1997; địa chỉ: Xóm TH, xã HP, huyện H, tỉnh Nam Định.

(Anh Đ và chị H có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 5 năm 2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn anh Lê Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn Đ và chị Phạm Thị H, đăng ký kết hôn ngày 26-10-2016 tại UBND xã HP, huyện H, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm TH, xã HP, huyện H, tỉnh Nam Định. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 4 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình, quan điểm sống của hai người không hợp nhau. Vì vậy, từ

ngày 09-6-2018 chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ để ở, vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ, trách nhiệm từ đó. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên anh Đ làm đơn xin ly hôn chị H.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Vợ chồng không có tài sản và công nợ chung nên không đề nghị giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập chị Phạm Thị H đến Tòa án để làm việc và giao nhận các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa ra xét xử nhưng chị H đều vắng mặt. Chị Phạm Thị X là chị gái chị H đã nhận thay tất cả các văn bản tố tụng nêu trên và cam kết giao lại các văn bản trên cho chị H. Như vậy chị H đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình giữa anh Đ và chị nhưng chị H vẫn không có mặt, không thể hiện ý kiến, quan điểm của mình. Chị H chỉ có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Văn Đ và chị Phạm Thị H có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ và chị H là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn Đ và chị Phạm Thị H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã HP, huyện H, tỉnh Nam Định ngày 26-10-2016. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Do vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân nên anh Đ xin ly hôn với chị H. Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đ và chị H đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân nhưng hai người không có biện pháp, hành động nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung của vợ chồng tiếp tục tồn tại. Mặt khác chị H đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đến nay, chị H không có văn bản ghi ý kiến của mình gửi cho Tòa án và cũng không có mặt tại các buổi hòa giải của Tòa án đã chứng tỏ chị H không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh Đ.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Lê Văn Đ và chị Phạm Thị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ, xử cho anh Lê Văn Đ được ly hôn chị Phạm Thị H là phù hợp.

[3] Về con chung và tài sản chung cũng như công nợ của vợ chồng: Anh Đ trình bày vợ chồng chưa có con chung, tài sản chung cũng như không cho ai vay hoặc vay mượn ai tài sản gì. Chị H không có ý kiến gì về vấn đề con chung và tài sản chung, công nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê văn Đ phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Lê Văn Đ và chị Phạm Thị H.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Văn Đ phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0000018 ngày 15-6-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, anh Lê Văn Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Cấp cho đương sự: (2 bản);
- TAND tỉnh Nam Định: (1 bản);
- VKSND tỉnh+huyện: (2 bản);
- Chi cục THADS huyện: (1 bản);
- UBND xã HP: (1 bản);
- Lưu hồ sơ: (1 bản);
- Lưu văn phòng: (1 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vũ Văn Ái